TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Lâm Sơn.

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lưu Thế D, sinh năm 1969. (có mặt)

Cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1972. (có mặt)

Cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lưu Thế D trình bày:

Ông và bà R đám cưới vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1994 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do vợ chồng tính tình không hợp nhau, hay cự cãi. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 1994 đến nay không tới lui thăm nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị R.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Thế H, sinh ngày 04/9/1991 và Lưu Thị Thu T, sinh ngày 10/11/1993. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị R trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông D về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông D, bà R đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Thế H, sinh ngày 04/9/1991 và Lưu Thị Thu T, sinh ngày 10/11/1993. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Ông Lưu Thế D khởi kiện bà Nguyễn Thị R, bà R cư trú ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Ông D và bà R sống chung với nhau vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà R không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận ông D và bà R là vợ chồng.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Thế H, sinh ngày 04/9/1991 và Lưu Thị Thu T, sinh ngày 10/11/1993. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Không có.

[5]. *Về nợ chung:* Không có.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông D và bà R thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lưu Thế D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. *Về hôn nhân:* Không công nhận ông Lưu Thế D và bà Nguyễn Thị R là vợ chồng.

[2]. *Về con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung:* Không có.

[4]. *Về nợ chung:* Không có.

[5]. *Về án phí*: Ông Lưu Thế D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019073 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới